

Tài chính Phát triển Toàn cầu

Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển

2012



THE WORLD BANK
Washington, D.C.

Tổng quan

Các dữ liệu và phân tích trình bày trong ấn bản về *Tài chính Phát triển Toàn cầu* này dựa trên các dòng vốn luân chuyển thực tế và các giao dịch liên quan đến nợ vay năm 2010 được báo cáo cho Hệ thống Báo cáo Nợ của Ngân hàng Thế giới (DRS) của 129 nước đang phát triển. Các báo cáo cho thấy rằng trong năm 2010 các dòng vốn quốc tế đổ vào các nước đang phát triển đã vượt qua mức ước tính sơ bộ và trở lại mức trước khủng hoảng là 1.100 tỉ USD, tăng 68% so với số liệu so sánh của năm 2009. Dòng vốn tư nhân tăng mạnh trong năm 2010 được điều hướng bởi sự nhảy vọt trong các khoản nợ vay ngắn hạn, sự phục hồi mạnh trong khoản đầu tư vào trái phiếu và sự gia tăng vừa phải trong dòng chảy của vốn chủ sở hữu. Các dòng vốn có liên quan đến nợ vay đã tăng gần 200% so với mức tăng 25% của dòng vốn chủ sở hữu ròng. Sự phục hồi của các dòng vốn được tập trung vào một nhóm nhỏ gồm 10 quốc gia có thu nhập trung bình, tức những quốc gia ở đó các dòng vốn chảy vào ròng tăng trung bình gần 80% trong năm 2010, gần gấp đôi tốc độ tăng trưởng (44%) được ghi nhận ở các nước đang phát triển khác. 10 quốc gia này chiếm đến 73% tổng thu nhập quốc dân (GNI) của các nước đang phát triển, và nhận được 73% tổng dòng vốn ròng đổ vào các nước đang phát triển năm 2010.

Trữ lượng và lưu lượng nợ ở các nước đang phát triển năm 2010

Tổng trữ lượng nợ nước ngoài của các nước đang phát triển đã tăng 437 tỉ USD lên mức 4.000 tỉ USD vào cuối năm 2010, phản ánh sự giảm giá trị của dòng nợ ròng 495 tỉ USD do tác động lên giá của các đồng tiền so với đồng đô la Mỹ - 30% các khoản nợ nước ngoài của các nước đang phát triển định giá theo đồng đô la Mỹ, và do sự xoá nợ. Nợ ngắn hạn là thành phần có mức tăng nhanh nhất, tăng 34% trong năm 2010 so với mức tăng 6% của trữ lượng nợ nước ngoài dài hạn đang lưu hành. Hầu hết các khoản nợ ngắn hạn là nợ thương mại, và nếu so với giá trị nhập khẩu của các nước đang phát triển thì tỷ lệ nợ ngắn hạn chỉ tăng từ 16% năm 2009 lên 17% năm 2010. Trữ lượng nợ dài hạn vào cuối năm 2010 được phân chia một cách khá đồng đều giữa nợ công và nợ được đảm bảo bởi khu vực công, 54 phần trăm, với nợ của khu vực tư nhân không được đảm bảo, 46 phần trăm; mặc dù xét về tốc độ thì nợ của nhóm đầu đã tăng gấp đôi trong năm 2010 so với tốc độ tăng của nợ của nhóm sau, 8% so với 4%. Trữ lượng nợ của các nước đang phát triển vẫn còn ở mức vừa phải, trung bình 21% tổng thu nhập quốc dân (GNI) và 69% kim ngạch xuất khẩu, và các rủi ro liên quan xuất phát từ các khoản nợ ngắn hạn chiếm 25% trữ lượng nợ vào cuối năm 2010 cũng đã được giảm nhẹ nhờ các khoản dự trữ quốc tế. Mặc dù cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã lấy đi một phần dự trữ quốc tế của một số nước đang phát triển nhưng, xét tổng thể, các nước đang phát triển vẫn được ghi nhận là đã tích lũy được các khoản dự trữ đáng kể từ khi cuộc khủng hoảng nổ ra: tương đương 137% trữ lượng nợ nước ngoài vào cuối năm 2010 (bảng 1).

Bảng 1. Trữ lượng nợ nước ngoài của các nước đang phát triển và các hệ số chọn lọc, 2005 - 2010

	<i>Tỉ USD</i>					
	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng nợ nước ngoài đang lưu hành	2.514,0	2.675,4	3.220,4	3.499,2	3.639,6	4.076,0
Nợ dài hạn (bao gồm IMF)	2.013,2	2.081,6	2.456,4	2.739,7	2.866,4	3.039,6
Nợ công và nợ được chính phủ đảm bảo (bao gồm IMF)	1.332,1	1.266,2	1.371,3	1.423,2	1.530,4	1.647,2
Nợ tư nhân không đảm bảo	681,1	815,4	1.085,1	1.316,5	1336	1.392,4
Nợ nước ngoài ngắn hạn	500,8	593,8	764,0	759,5	773,2	1.036,4
Các hệ số						
Nợ nước ngoài đang lưu hành trên GNI (%)	26,6	23,9	23,2	21,0	22,4	21,0
Trữ lượng nợ nước ngoài so với xuất khẩu (%)	75,9	66,1	65,6	59,3	77,0	68,7
Dự trữ so với nợ nước ngoài đang lưu hành (%)	78,7	97,8	114,9	118,7	132,9	137,1
Nợ ngắn hạn so với nhập khẩu (%)	15,3	15,2	16,0	13,0	16,2	17,2

Nguồn: Hệ thống Báo cáo Nợ của Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế

Các dòng vốn quốc tế đã tăng 68% lên mức 1.100 tỉ USD trong năm 2010, tương đương với mức trước khủng hoảng 2007. So sánh với tổng thu nhập quốc dân (GNI) của các nước đang phát triển cho thấy rằng, sự gia tăng của dòng vốn ròng có ít đặc điểm nổi bật: từ 4,1% GNI vào năm 2009 lên 5,8% năm 2010 nhưng lại khá thấp so với mức 8,1% GNI năm 2007. Các dòng vốn nợ vay từ các chủ nợ tư nhân đã tăng gần gấp 5 lần so với mức năm 2009, do chủ yếu là sự gia tăng nhanh chóng của các khoản nợ ngắn hạn và sự phục hồi mạnh mẽ trong việc phát hành trái phiếu của các chủ nợ thuộc khu vực công lẫn khu vực tư nhân. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và đầu tư gián tiếp (FPI) đã tăng tương ứng 27% và 18%, đưa tổng giá trị các dòng vốn chủ sở hữu tư nhân lên mức 635 tỉ USD trong năm 2010, chỉ thấp hơn đôi chút so với mức cao nhất từng đạt được là 667 tỉ USD của năm 2007. Dòng vốn nợ vay ròng được tài trợ từ các chủ nợ chính thức (không bao gồm khoản viện trợ) đã giảm 11%, riêng đối với chủ nợ là IMF thì mức giảm đã lên đến gần 50% so với năm 2009. Ngược lại, dòng vốn chảy vào ròng từ các khoản hỗ trợ của IBRD vẫn tiếp tục quỹ đạo đi lên với mức tăng 45% trong năm 2010. Dòng vốn vào ròng từ các chủ nợ chính thức khác trong năm 2010 vẫn được duy trì ổn định ở mức năm 2009 (bảng 2).

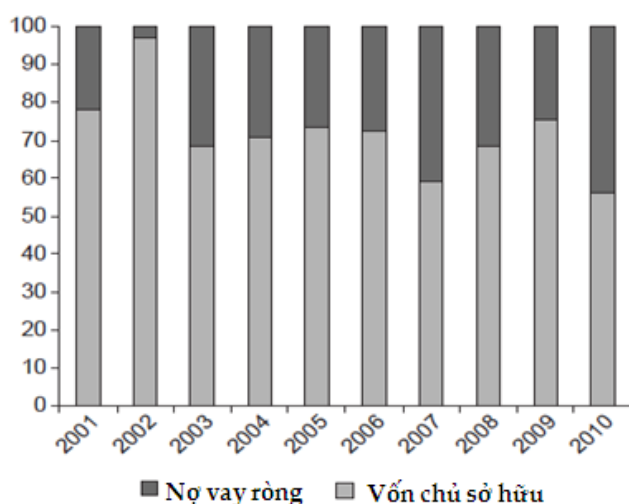
Bảng 2. Dòng vốn ròng chảy vào các nước đang phát triển, 2001 – 2010

	<i>Tỉ USD</i>									
	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Dòng vốn chính thức và tư nhân	212,6	168,4	261,7	347,3	519,7	686,5	1.133,2	835,2	674,9	1.129,7
Phần trăm so với GNI	3,7	2,9	3,9	4,4	5,5	6,1	8,1	5,0	4,1	5,8
Dòng vốn chủ sở hữu	165,5	163,3	179,2	245,5	382,0	495,5	667,1	570,7	508,7	634,5
Vốn FDI ròng	158,9	155,0	152,8	208,5	314,5	387,5	534,1	624,1	400,0	506,1
Vốn FPI ròng	6,7	8,3	26,3	36,9	67,5	107,7	133,0	(53,4)	108,8	128,4
Dòng vốn nợ vay ròng	47,1	5,1	82,5	101,9	137,7	191,2	466,1	264,4	166,2	495,2
Chủ nợ chính thức	30,9	6,9	(12,0)	(24,3)	(64,3)	(69,0)	1,5	29,5	80,5	71,2
WB	7,4	(0,5)	(2,6)	2,4	2,6	(0,3)	5,2	7,2	18,3	11,4
IMF	19,5	14,2	2,4	(14,7)	(40,2)	(26,7)	(5,1)	10,8	26,8	13,8
Chủ nợ chính thức khác	4,1	(6,7)	(11,7)	(11,9)	(26,8)	(42,0)	1,5	11,5	35,4	35,0
Chủ nợ tư nhân	16,1	(1,8)	94,5	126,1	202,0	260,2	464,6	234,9	85,7	424,0
Dòng vốn nợ trung và dài hạn ròng	(3,5)	(3,8)	36,3	73,2	120,4	164,9	296,3	239,3	70,9	155,5
Trái phiếu	15,7	11,1	23,1	33,9	49,4	34,4	91,7	26,7	51,1	111,4
Ngân hàng và chủ nợ tư nhân khác	(19,2)	(15,0)	13,2	39,3	71,1	130,6	204,7	212,5	19,8	44,1
Dòng vốn nợ ngắn hạn ròng	19,6	2,0	28,2	52,9	81,6	95,3	168,3	(4,4)	14,7	268,5
Thay đổi dự trữ (= tăng)	(81,8)	(165,4)	(288,4)	(395,7)	(405,1)	(636,9)	(1.085,3)	(452,5)	(681,9)	(752,0)
<i>Các khoản mục ghi nhớ</i>										
Viện trợ chính thức trừ hợp tác kỹ thuật	28,4	33,9	44,5	52,2	57,1	107,2	76,4	85,8	87,5	90,0
Chuyển tiền của người lao động	90,1	108,2	134,6	155,6	187,0	221,6	276,4	322,9	306,3	319,6

Nguồn: Hệ thống Báo cáo Nợ của Ngân hàng Thế giới; IMF; Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS); và Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). Dữ liệu viện trợ năm 2010 là ước tính của WB

Sự tăng trưởng của dòng vốn ròng trong năm 2010 đi kèm với sự thay đổi đáng kể về cơ cấu thành phần các dòng vốn liên quan giữa vốn chủ sở hữu và vốn nợ vay. Trong thập kỷ qua

Hình 1. Dòng vốn ròng đổ vào các nước đang phát triển, gồm vốn vay và vốn chủ sở hữu, 2001 – 2010 (%)

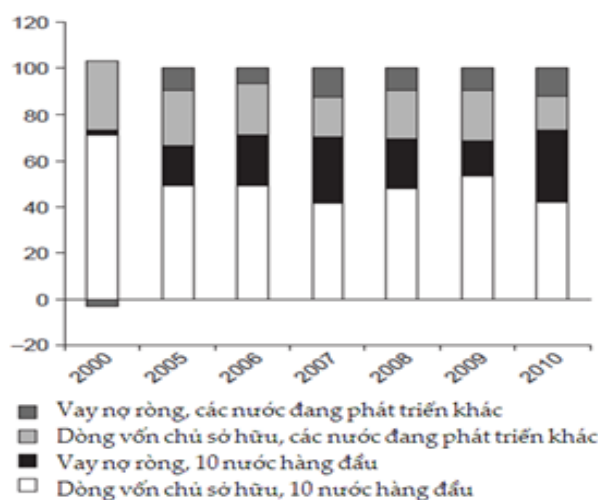


đã diễn ra trong năm 2010 khi khoản tài trợ ròng của các chủ nợ tư nhân, mặc dù phần lớn có tính chất ngắn hạn, đã góp phần làm gia tăng tổng dòng vốn ròng đổ vào các nước đang phát triển (hình 1).

Dòng vốn đổ vào các nước đang phát triển tập trung chủ yếu ở 10 nước có thu nhập trung bình, cụ thể là những nước có trữ lượng nợ nước ngoài lớn nhất tính đến cuối năm 2010, được gọi là 10 nước vay nợ hàng đầu. Trong thập kỷ vừa qua, tổng số vốn nợ vay của 10 nước này đã chiếm trung bình 70% tổng dòng vốn chảy vào ròng hàng năm dành cho tất cả các nước đang phát triển. Hơn nữa, 10 nước này cũng đã nhận được một tỷ phần lớn hơn nhiều trong dòng vốn chủ sở hữu ròng so với các nước đang phát triển khác (hình 2).

Trong năm 2010, dòng vốn ròng đổ vào 10 nước vay nợ hàng đầu tăng trung bình gần 80% so với mức tăng chỉ 44% của tất cả các nước đang phát triển khác cộng lại. Dòng vốn nợ vay ròng

Hình 2. Tổng dòng vốn ròng đổ vào 10 nước vay nợ hàng đầu và những nước đang phát triển khác, 2000 – 2010 (%)



Nguồn: Hệ thống Báo cáo nợ của Ngân hàng Thế giới

và vốn chủ sở hữu đã tăng 90%, đạt mức 447 tỉ USD, chủ yếu là do dòng vốn đổ vào Trung

thành phần các dòng vốn liên quan giữa vốn chủ sở hữu và vốn nợ vay. Trong thập kỷ qua dòng vốn chủ sở hữu ròng đổ vào các nước đang phát triển đã liên tục vượt vốn nợ vay, với tỷ phần tương đương 97% trong tổng dòng vốn ròng năm 2002 và 75% (509 tỉ USD) năm 2009. Tuy nhiên, thời kỳ tăng trưởng nhanh của các dòng vốn đã được đánh dấu bởi xu hướng đảo chiều từ vốn chủ sở hữu sang nợ vay. Ví dụ, trong năm 2007, tổng dòng vốn ròng tăng 65%, lên mức 1.133 tỉ USD, chủ yếu là do các dòng vốn nợ vay từ các chủ nợ tư nhân tăng 80% (đa phần cho vay các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân ở các nước đang phát triển) chứ không phải do mức tăng khiêm tốn chỉ 35% của dòng vốn chủ sở hữu. Một xu hướng tương tự cũng

đã diễn ra trong năm 2010 khi khoản tài trợ ròng của các chủ nợ tư nhân, mặc dù phần lớn có tính chất ngắn hạn, đã góp phần làm gia tăng tổng dòng vốn ròng đổ vào các nước đang phát triển (hình 1). Dòng vốn đổ vào các nước đang phát triển tập trung chủ yếu ở 10 nước có thu nhập trung bình, cụ thể là những nước có trữ lượng nợ nước ngoài lớn nhất tính đến cuối năm 2010, được gọi là 10 nước vay nợ hàng đầu. Trong thập kỷ vừa qua, tổng số vốn nợ vay của 10 nước này đã chiếm trung bình 70% tổng dòng vốn chảy vào ròng hàng năm dành cho tất cả các nước đang phát triển. Hơn nữa, 10 nước này cũng đã nhận được một tỷ phần lớn hơn nhiều trong dòng vốn chủ sở hữu ròng so với các nước đang phát triển khác (hình 2). Trong năm 2010, dòng vốn ròng đổ vào 10 nước vay nợ hàng đầu tăng trung bình gần 80% so với mức tăng chỉ 44% của tất cả các nước đang phát triển khác cộng lại. Dòng vốn nợ vay ròng chảy vào 10 nước này đã tăng lên 359 tỉ USD, gần gấp đôi mức nợ ròng đổ vào 119 nước đang phát triển khác. Tương tự, dòng vốn chủ sở hữu đổ vào 10 nước này cũng tăng 30% so với mức 16% của các nước đang phát triển khác. Riêng Trung Quốc đã thu hút được 30% tổng lượng vốn ròng chảy vào tất cả các nước đang phát triển trong năm 2010, trong khi đó, đối với nhóm nước gọi là BRICs (gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, và Trung Quốc) là 58%. Tương tự vào thời điểm cuối năm 2010, nhóm nước BRICs cũng chiếm gần 40% và nhóm 10 nước vay nợ nhiều nhất là 64% gánh nặng nợ nước ngoài của tất cả các nước đang phát triển (bảng 3).

Ở cấp độ khu vực, như Đông Á và Thái Bình Dương cho thấy sự gia tăng rõ rệt nhất của dòng vốn vào ròng trong năm 2010: gộp cả nợ và vốn chủ sở hữu đã tăng 90%, đạt mức 447 tỉ USD, chủ yếu là do dòng vốn đổ vào Trung

Quốc tăng lên, trong đó dòng vốn chủ sở hữu tăng 52% và vốn nợ vay tăng 178%. Ở châu Mỹ Latin và vùng Ca-ri-bê, dòng vốn vào ròng đã tăng 83% so với mức năm 2009 do sự phục hồi của dòng vốn FDI và mức tăng gấp ba lần của vốn nợ vay; trong đó, dòng vốn nợ vay tăng lên được kích hoạt bởi mức tăng 20% trong dòng vốn vào ròng từ các chủ nợ chính thức mà chủ yếu là chủ nợ đa phương, và sự gia tăng nhanh chóng của nguồn tài trợ ngắn hạn và trung hạn từ các chủ nợ tư nhân dành cho Brazil và Mê-hi-cô.

Bảng 3. Mười nước vay nợ hàng đầu – Trữ lượng nợ nước ngoài, 2010, và dòng vốn vào ròng, 2009 – 2010

Tỉ USD

Quốc gia	Trữ lượng nợ nước ngoài cuối năm 2010		Dòng vốn vào ròng 2009			Dòng vốn vào ròng 2010			Tăng trưởng 2010/2009	Cơ cấu dòng vốn ròng 2010
	Giá trị	Tỷ trọng	Tổng	Nợ vay	Vốn sở hữu	Tổng	Nợ vay	Vốn sở hữu		
Trung Quốc	548.6	13.5%	185.9	43.5	142.4	337.3	120.9	216.4	81.4%	29.9%
Liên bang Nga	384.7	9.4%	20.8	-19.1	39.9	52.1	14	38.1	150.5%	4.6%
Brazil	347	8.5%	93.4	30.4	63	164.6	78.5	86.1	76.2%	14.6%
Thổ Nhĩ Kỳ	293.9	7.2%	-2.6	-13.8	11.2	40.4	27.7	12.7	-1653.8%	3.6%
Ấn Độ	290.3	7.1%	75.1	18.4	56.7	102.7	38.6	64.1	36.8%	9.1%
Mê-hi-cô	200.1	4.9%	28.4	8.9	19.5	48.7	29.4	19.3	71.5%	4.3%
Indonesia	179.1	4.4%	20.3	14.6	5.7	29.9	14.5	15.4	47.3%	2.6%
Argentina	127.9	3.1%	1.5	-2.3	3.8	23.2	17.1	6.1	1446.7%	2.1%
Romania	121.5	3.0%	17.9	13	4.9	13.7	10.2	3.5	-23.5%	1.2%
Kazakhstan	118.7	2.9%	22.6	8.8	13.8	17.8	7.7	10.1	-21.2%	1.6%
10 nước vay nợ hàng đầu	2611.8	64.1%	463.1	102.3	360.8	830.4	358.5	471.9	79.3%	73.5%
Các nước đang phát triển khác	1464.5	35.9%	211.8	63.9	147.9	299.3	136.7	162.6	41.3%	26.5%
Tất cả các nước đang phát triển	4076.3	100.0%	674.9	166.2	508.7	1129.7	495.2	634.5	67.4%	100.0%

Nguồn: Hệ thống Báo cáo Nợ của Ngân hàng Thế giới

Sau một thời kỳ sụt dốc trong năm 2009, dòng vốn đổ vào các nước châu Âu và Trung Á đã tăng trở lại với mức 66% trong năm 2010 dựa trên sự tăng trưởng của dòng vốn ngắn hạn từ các chủ nợ tư nhân và phát hành trái phiếu của khu vực công và các doanh nghiệp. Dòng vốn ròng đổ vào các nước ở Nam Á và Tiểu vùng Sahara châu Phi tăng tương ứng 30% và 15% so với năm trước. Tại Nam Á, kết quả này là do sự tăng trưởng nhanh chóng (92%) của dòng vốn đầu tư gián tiếp đổ vào Ấn Độ và các dòng vốn nợ vay ròng 35 tỉ USD từ các chủ nợ tư nhân. Ở tiểu vùng Sahara châu Phi, mức tăng 33% của dòng vốn nợ vay ròng là do các khoản cho vay từ các chủ nợ chính thức và sự quay trở lại của dòng vốn nợ ngắn hạn trị giá 1,5 tỉ USD trong năm 2010, so với dòng vốn tháo ra trị giá 10 tỉ USD của năm 2009, đã góp phần bù đắp cho mức sụt giảm 14% của dòng vốn chủ sở hữu ròng. Trung Đông và Bắc Phi là khu vực đang phát triển duy nhất có dòng vốn vào ròng sụt giảm trong năm 2010 và việc gia tăng phát hành trái phiếu vẫn không đủ để bù đắp phần giảm một nửa của dòng vốn nợ ròng từ các chủ nợ chính thức và phần giảm 16% của dòng vốn chủ sở hữu (bảng 4).

Bảng 4. Dòng vốn ròng đổ vào các khu vực đang phát triển, 2005-2010

Tỉ USD

	2005	2006	2007	2008	2009	2010
Dòng vốn chính thức và tư nhân ròng	519,7	686,5	1133,2	835,2	674,9	1129,7
<i>theo khu vực:</i>						
Đông Á và Thái Bình Dương	209	238,6	301,6	211,7	235,3	447,1
Châu Âu và Trung Á	135,3	248,9	424,1	313	104	172,8
Mỹ Latinh và Caribbean	93,8	68,7	208,3	181,9	173,7	318,6
Trung Đông và Bắc Phi	19,4	14,5	29,6	21	29,2	26,2
Nam Á	28,7	77,1	116,3	64,8	86,2	111,6
Châu Phi cận Sahara	33,6	38,7	53,4	42,6	46,4	53,4

Nguồn: Hệ thống Báo cáo Nợ của Ngân hàng Thế giới